

Bản án số: 82/2018/HSST

Ngày: 11-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Hồng

Bà Dương Thị Thanh Thúy

Thư ký phiên toà: Ông Lê Hoàng Út - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Phan Thanh Vàng- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 80/2018/TLST-HS ngày 26 tháng 9 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 83/2018/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

LÊ HOÀNG V, sinh năm: 1982 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Số 299C1, khu phố B, Phường S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn N và bà Trần Thị C (đã chết); Vợ, con: chưa có; Tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 66/HS-ST ngày 16/7/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã xử phạt 30 tháng tù về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2006/HSST ngày 13/4/2006 của Tòa án nhân dân thị xã BT (nay là thành phố BT), tỉnh Bến Tre đã xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2008/HSST ngày 06/11/2008 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 04 năm tù về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2012/HSST ngày 26/7/2012 của Tòa án nhân dân huyện GT, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 6 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 74/2013/HSPT ngày 23/5/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo

quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2015/HSST ngày 13/11/2015 của Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/7/2018 đến nay. (Có mặt)

- *Bị hại:*

Lê Phương T, sinh năm: 1987;

Nơi cư trú: ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Văn K, sinh năm: 1981;

Nơi cư trú: Số 98A8, khu phố H, phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.
(Vắng mặt)

2. Lê Thị L, sinh năm: 1980;

Nơi cư trú: Số 299C1, khu phố B, Phường S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.
(Vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Đoàn Thị Trúc G, sinh năm: 1987;

Nơi cư trú: Số 146C, khu phố B, Phường N, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.
(Vắng mặt)

2. Lâm Tuấn Đ, sinh năm: 1995;

Nơi cư trú: Số 158/14, khu phố B, Phường M, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 03/6/2018, Lê Hoàng V điều khiển xe mô tô nhãn hiệu JIULONG, màu đỏ, biển số 71FH-6982 (xe của Lê Thị L - chị ruột V) chở Đoàn Thị Trúc G từ Phường S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre lên xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Khi đến trước công trình đang xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Bến Tre ở ấp 1, xã S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, V nảy sinh ý định đột nhập vào trong tìm tài sản để lấy trộm. Để thực hiện ý định, V dừng xe lại kêu G ở ngoài chờ để V đi vào lảng trại có công chuyện, nói xong V đi bộ vào lảng trại của công trình lấy của anh Lê Phương T 01 máy laptop nhãn hiệu Dell, màu đen đem ra ngoài lên xe kêu G chở về nhà của Nguyễn Thụy Phương H ở số 203/D1, đường Đ, Phường S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Tại đây, V nhờ G và Lâm Tuấn Đ đem laptop vừa trộm được của anh T đến cửa hàng mua bán điện thoại MC ở số 52, đường NĐC, khu phố H, phường M, thành phố BT, tỉnh Bến Tre bán cho anh Nguyễn Văn Kn được 500.000 đồng đem về đưa cho V mua ma túy sử dụng chung. Hiện tài sản không thu hồi được.

Vật chứng thu giữ:

- 01 đĩa CD chứa đoạn camera ghi nhận hình ảnh Lê Hoàng V thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh T.
- 01 xe mô tô nhãn hiệu JIULONG, màu đỏ, biển số 71FH-6982.

Theo bảng kết luận định giá trị tài sản số 598/KL-HĐĐG ngày 12/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Bến Tre kết luận: 01 máy tính laptop, hiệu Dell, màu đen, không pin, không dây sạc, đã qua sử dụng trị giá vào ngày 03/6/2018 là 3.500.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 85/CT-VKSTPBT ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Lê Hoàng V về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị: áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lê Hoàng V từ 02 đến 03 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 357, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Lê Phương T 3.500.000 đồng; Ghi nhận Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Bến Tre đã trao trả lại cho Lê Thị Lệ xe mô tô biển số 71FH-6982. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do bị cáo không có thu nhập ổn định.

Bị cáo Lê Hoàng V có lời khai tại phiên tòa là vào khoảng 14 giờ 30 ngày 03/6/2018, tại công trình đang xây dựng Trung tâm Bảo trợ Xã hội tỉnh Bến Tre ở ấp M, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bị hại Lê Phương T 01 máy tính laptop, hiệu Dell, màu đen. Sau khi chiếm đoạt tài sản của bị hại, bị cáo nhờ Đoàn Thị Trúc G và Lâm Tuấn Đ đem bán máy tính laptop được 500.000 đồng mua ma túy sử dụng chung. Bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật về đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại anh Lê Phương T có lời trình bày: Vào ngày 03/6/2018, tại công trình đang xây dựng Trung tâm Bảo trợ Xã hội tỉnh Bến Tre ở ấp M, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, anh có bị mất trộm 01 máy tính laptop, hiệu Dell, màu đen. Hiện tài sản không thu hồi được, anh yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản theo định giá là 3.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên sơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của

cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Lê Hoàng V tại phiên tòa là vào khoảng 14 giờ 30 ngày 03/6/2018, tại công trình đang xây dựng Trung tâm Bảo trợ Xã hội tỉnh Bến Tre ở ấp M, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bị hại Lê Phương T 01 máy tính laptop, hiệu Dell, màu đen. Sau khi chiếm đoạt tài sản của bị hại, bị cáo nhờ Đoàn Thị Trúc G và Lâm Tuấn Đ đem bán máy tính laptop được 500.000 đồng mua ma túy sử dụng chung. Đối chiếu với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu khác thu thập được trong quá trình điều tra là phù hợp nhau. Giá trị chiếc máy tính laptop được Hội đồng định giá tài sản thành phố Bến Tre xác định 3.500.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý với giá trị, không khiếu nại gì, Hội đồng xét xử căn cứ giá trị Hội đồng định giá xác định để xét xử đối với bị cáo. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội này, bị cáo đã nhiều lần bị kết án về các tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, “Cướp giật tài sản” và “Trộm cắp tài sản” (đã tái phạm, tái phạm nguy hiểm) chưa được xóa án tích lại tiếp tục vi phạm. Bị cáo V có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết hành vi bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện và hậu quả đã xảy ra. Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận bị cáo Lê Hoàng V phạm tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng “tái phạm nguy hiểm” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn bị cáo thực hiện tội phạm, gây tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, sinh hoạt hằng ngày.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: Bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị Tòa án kết án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Xét tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng như phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ nhân thân, tính chất mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị hại Lê Phương T yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được là 3.500.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại nên ghi nhận để buộc bị cáo thực hiện.

[6] Về phần xử lý vật chứng:

Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Bến Tre đã trao trả lại cho Lê Thị L xe mô tô biển số 71FH-6982. Xét thấy, xe mô tô trên thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị L và chị L không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên việc Cơ quan điều tra trả lại xe mô tô cho chị là phù hợp nên ghi nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh đối với bị cáo Lê Hoàng V “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Đối với hành vi của Đoàn Thị Trúc G qua kết quả điều tra không đủ căn cứ xác định có đồng phạm với bị cáo V và khi cùng với Lâm Tuấn Đ đem máy tính laptop đi bán không biết tài sản do trộm cắp mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với G và Đ là phù hợp. Đối với Lê Thị L khi cho bị cáo V mượn xe mô tô biển số 71FH-6982 không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo Lê Hoàng V phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Hoàng V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Hoàng V 02 (Hai) năm 6 (Sáu) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 25/7/2018.

2. Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 357, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Lê Phương T 3.500.000 (Ba triệu, năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền bồi thường nêu trên nếu chưa được thi hành thì hàng tháng bị cáo phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Ghi nhận Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Bến Tre đã trao trả lại cho Lê Thị L 01 (Một) xe mô tô biển số 71FH-6982.

4. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 23; Điều 26; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Hoàng V phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND Phường S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (1b);
- Bị cáo và bị hại, NCQLNVLQ (4b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Ngô Văn Trình